

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 3 năm 2019

Số 70 /BC-CDUB

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí- Vinacomin
Năm báo cáo: 2018

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí – Vinacomin.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700 526 340
- Vốn điều lệ: 24.381.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 24.381.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Tổ 13, Khu 8, phường Bắc Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
- Số điện thoại: 02033 854 392
- Số fax: 02033 854 358
- Website: codienuongbi.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): UEM
- Quá trình hình thành và phát triển:

Việc thành lập: Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí - Vinacomin là một Doanh nghiệp được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa Nhà máy cơ điện Uông Bí, đơn vị trực thuộc Công ty than Vàng Danh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000336 ngày 31/12/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, thay đổi tên công ty và điều chỉnh vốn điều lệ của công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại các đăng ký thay đổi từ lần 1 ngày 18/8/2005 đến thay đổi lần 9 ngày 19/3/2018. Theo đó số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được thay đổi bằng mã số doanh nghiệp số 5700 526 340 trong đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày ngày 29/4/2010.

Căn cứ theo Thông báo số 1020/TB-SGDHN ngày 15/9/2015 và Thông báo số 779/TB-SGDHN ngày 25/7/2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty đã được đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom với những nội dung sau:

- + Tên chứng khoán: Cổ phiếu CTCP Cơ điện Uông Bí – Vinacomin.
- + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- + Mệnh giá: 10.000 đồng.
- + Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 2.438.100 cổ phiếu.

+ Tổng giá trị chứng khoản giao dịch: 24.381.000.000 đồng.

- Các sự kiện khác: Không có.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700526340 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần thứ 5 ngày 29 tháng 4 năm 2010, cấp thay đổi lần 9 ngày 19 tháng 3 năm 2018 thì ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: "*Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc thiết bị; Sửa chữa thiết bị điện; Sản xuất thiết bị điện khác; sản xuất toa xe đến 30 tấn; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động kiến trúc và tư vấn pháp luật có liên quan...*"

Đến ngày 31/12/2018, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 195 người, trong đó cán bộ quản lý là 25 người. Với đội ngũ cán bộ, công nhân có kinh nghiệm, bản lĩnh và trình độ; với trên 10.000 m² nhà xưởng sản xuất và trên 140 thiết bị gia công cơ khí các loại. Hàng năm, Công ty luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch, chất lượng sản phẩm ngày càng được coi trọng và nâng cao. Sản phẩm của Công ty cơ bản đáp ứng và cung cấp cho ngành khai thác mỏ than như: Xe goòng chở than từ 1 - 3 tấn; Ghi đường sắt; Máng cào tải than MC/80/15; Sàn than 800 tấn / giờ; Toa xe chở than đến 30 tấn; Tàu điện phòng nổ 5-8 tấn; Toa xe chở người dùng giá chuyên; Đặc biệt là Máy xúc đá phòng nổ XD.0,32 dùng trong hầm lò là sản phẩm đạt giải sản phẩm tiêu biểu 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và được Cục sở hữu trí tuệ cấp bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp... Bình quân hàng năm, Công ty sản xuất và tiêu thụ 1.000 tấn thiết bị và 2.800 tấn phụ tùng các loại phục vụ cho khai thác, chế biến, vận tải than.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu trong tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận, cung cấp sản phẩm cho ngành Than, ngành Điện, ngành Thép... và các ngành khai khoáng khác.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị

- Hội đồng quản trị, ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra.

- Ban Giám đốc điều hành: Gồm có Giám đốc, các phó giám đốc và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm.

b) Cơ cấu bộ máy quản lý

Gồm có:

04 phòng chức năng:

(1)- Tổ chức hành chính;

(2)- Kế hoạch vật tư;

(3)- Kỹ thuật - Cơ điện

(4)- Kế toán thống kê tài chính;

03 phân xưởng sản xuất tổ chức sản xuất theo công nghệ:

(1)- Phân xưởng A2: Gia công cắt gọt kim loại.

(2)- Phân xưởng A3: Gia công kết cấu, đúc, rèn dập kim loại.

(3)- Phân xưởng A4: Sửa chữa, lắp ráp thiết bị cơ điện.

c) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, nhanh chóng hoàn thành và đưa vào sử dụng các dự án đầu tư nhất là các hạng mục đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới thiết bị hiện đại, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm. Đẩy cao sản lượng sản xuất, tiết kiệm chi phí, cải thiện đời sống và điều kiện làm việc cho người lao động;

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Đưa Công ty trở thành một trong những đơn vị hàng đầu của ngành cơ khí Việt Nam chuyên chế tạo các thiết bị phòng nổ, thiết bị chuyên dùng trong hầm lò phục vụ cho ngành khai thác than, khoáng sản, tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nền kinh tế quốc dân;

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Thực hiện tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp.

5. Các rủi ro

Phụ thuộc vào thị trường ngành Than khoáng sản Việt Nam.

II-TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Tổng Doanh thu đạt 157,9 tỷ đồng bằng 127% so với năm 2017, bằng 141% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế năm đạt 3.810 triệu đồng; so với năm 2017 đạt 100%; so với kế hoạch năm đạt 149,4%;

- Các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

(1)- *Giám đốc*

Họ và tên: Lê Văn Tuấn - Sinh ngày 12/6/1962

Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Đồng Thanh, Kim Động, Hưng Yên.

Nơi ở: Tổ 5, khu 2, Thanh Sơn, Ưông Bí, Quảng Ninh.

Trình độ nghề nghiệp: Đại học kinh tế công nghiệp.

Bậc lương: 1/2; Thang lương: CD.1; Mức lương: 8.543.000 đ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 3,0%

10052
CÔNG
CỔ PH
ĐIỆN U
VINAC
BÍ - T

(2)- Phó Giám đốc

Họ và tên: Phan Văn Sứng - Sinh ngày 25/8/1961

Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Bình Xá, Tiên Phong, Ân Thi, Hưng Yên.

Nơi ở: Tổ 23, Phú Thanh Đông, phường Yên Thanh, Uông Bí, Quảng Ninh.

Trình độ nghề nghiệp: Kỹ sư chế tạo máy.

Bậc lương: 2/2; Thang lương: CD.1; Mức lương: 8.080.000 đ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,7%

(3)- Phó Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Minh Tâm - Sinh ngày 15/6/1978

Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Hà Trung-Thanh Hóa.

Nơi ở: Số nhà 20, tổ 4, khu Nam Sơn, P. Nam Khê, Uông Bí, Quảng Ninh.

Trình độ nghề nghiệp: Kỹ sư chế tạo máy.

Bậc lương: 1/2; Thang lương: CD.1; Mức lương: 7.695.000 đ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,72%.

(4)- Kế toán trưởng

Họ và tên: Phạm Văn Chung - Sinh ngày 08/7/1974

Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.

Quê quán: Nam Sách -Hải Dương.

Nơi ở: Tổ 3, Khu Đoàn Kết, P. Mạo Khê, TX Đông Triều, Quảng Ninh.

Trình độ nghề nghiệp: Cử nhân kế toán.

Bậc lương: 1/2; Thang lương: CD.1; Mức lương: 7.270.000 đ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,48%

b) Những thay đổi trong ban điều hành: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tổng số CBCNV tại ngày 31/12/2018 là 195 người. Các chính sách đối với người lao động thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Có 01 dự án đầu tư được thực hiện trong năm

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng (+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	62.290.629.418	66.413.216.745	6,6
Doanh thu thuần	124.016.571.705	157.671.083.206	27,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.519.038.120	3.581.308.590	1,76
Lợi nhuận khác	289.974.916	228.365.428	-22,2
Lợi nhuận trước thuế	3.809.013.036	3.809.674.018	0,02
Lợi nhuận sau thuế	2.944.941.032	2.994.071.231	1,66
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	Thực hiện 8%	Dự kiến 8%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	1,46	1,47	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	0,87	0,94	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,56	0,58	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,27	1,54	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	5,05	6,95	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,99	2,37	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,024	0,019	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,100	0,120	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,047	0,045	
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐ KD/Doanh thu thuần	0,028	0,023	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

	31/12/2017	31/12/2018
Tổng số cổ phiếu:	1.890.000	2.438.100
+ Cổ phiếu phổ thông	1.890.000	2.438.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.890.000	2.438.100
+ Cổ phiếu phổ thông	1.890.000	2.438.100
Trong đó: Chuyển nhượng tự do:	1.890.000	2.438.100
Hạn chế chuyển nhượng:		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 VND

b) Cơ cấu cổ đông

6340
TY
I AN
ONG B
MIN
QUANG

- Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước: Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Mã số doanh nghiệp: 5700 100 256.

Trụ sở: 226 Lê Duẩn; Đống Đa; Hà Nội.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 862.306 chiếm tỷ lệ: 35,37% vốn Điều lệ.

- Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập:

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nhà nước: Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	862.306	35.37
2	Cổ đông khác (thể nhân)	1.575.794	64.63
3	Cổ phiếu quỹ	0	0
Tổng		2.438.100	100

- Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài (Không có)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm đã phát hành cổ phiếu thưởng với số lượng 548.100 cổ phiếu tương ứng giá trị 5.481.000.000 đồng từ quỹ đầu tư phát triển kết dư, nâng vốn điều lệ từ 18.900.000.000 đồng lên thành 24.381.000.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. Trong năm sử dụng 5.250 tấn vật liệu (Chủ yếu là sắt thép và phụ tùng bằng kim loại) với tổng giá trị là: 123,9 tỷ đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. Một tỷ lệ rất nhỏ là sắt thép phế liệu được dùng để đúc các chi tiết sản phẩm cơ khí. Tổng giá trị thu hồi 53,4 triệu đồng bằng 0,04% giá trị sử dụng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Chủ yếu điện năng. Tổng lượng điện năng sử dụng trong năm là 992.994 kw; Chi phí sử dụng năng lượng trong năm là 1,75 tỷ đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. (Không có)

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này. (Không có)

6.3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Được cung cấp bởi Xí nghiệp nước Ưông Bí, Tổng lượng nước sử dụng trong năm là 5.287 m³ với tổng giá trị cả phí nước thải là 74,1 triệu đồng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: số lượng lao động có mặt tại 31/12/2018 là 195 người. Lao động bình quân sử dụng trong năm là 197 người. Mức lương bình quân là 8,38 triệu đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Chế độ làm việc:

+ Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 60 phút.

+ Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ luật lao động.

+ Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

+ Chính sách lương và thưởng: Công ty áp dụng chính sách tiền lương theo năng suất và hiệu quả kinh doanh. Tiền thưởng cũng được xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh của Công ty và hiệu quả làm việc của từng nhân viên.

+ Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

+ Chính sách đối với người lao động: Công ty luôn ý thức được nhân lực là yếu tố quyết định cho sự thành công của Công ty. Công ty thường xuyên sắp xếp bố trí nguồn nhân lực theo yêu cầu của từng giai đoạn phát triển của Công ty cho phù hợp, luôn đảm bảo cho người lao động có công ăn việc làm ổn định lâu dài để họ gắn bó với Công ty. Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để mỗi người

có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và biết hợp tác cùng đồng nghiệp. Công ty tiếp nhận lao động mới theo một quy trình và có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm và uy tín, có chính sách trả lương đảm bảo đời sống cho CBCNV. Công ty luôn dùng quỹ phúc lợi cho các hoạt động nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi, tăng cường văn hoá doanh nghiệp. Đẩy mạnh phong trào thi đua, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật không ngừng tăng năng suất lao động để ngày càng ổn định thu nhập cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 10 giờ/người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Chủ yếu theo chương trình của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Tổng Doanh thu đạt 157,9 tỷ đồng bằng 127% so với năm 2017, bằng 141% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế năm đạt 3.810 triệu đồng; so với năm 2017 đạt 100%; so với kế hoạch năm đạt 149,4%.

- Các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với kế hoạch.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được: Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Đã được tăng cường và áp dụng có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tổng tài sản tại ngày 31/12/2018 là 64.413 triệu đồng, tăng so với đầu năm 6,6% trong đó: Tài sản ngắn hạn 57.023 triệu đồng chiếm 85,9%; Tài sản dài hạn 9.390 triệu đồng chiếm 14,1%.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản = 5,7%. Đạt cao so với các đơn vị cùng ngành nghề trong nền kinh tế.

- Không có nợ phải thu xấu.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tổng nợ phải trả tại ngày cuối năm là 38.687 triệu đồng. Trong đó: nợ ngắn hạn 38.687 triệu đồng chiếm 100 %.

- Không có nợ phải trả xấu, không có ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Luôn được tăng cường và áp dụng có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tăng cường nghiên cứu chế tạo sản phẩm mới. Đưa Công ty trở thành đơn vị hàng đầu trong việc sản xuất các thiết bị phòng nổ dùng trong hầm lò phục vụ cho ngành khai thác than, khoáng sản Việt Nam.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần). Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...). Đảm bảo đúng quy định.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo đúng quy định.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện đầy đủ.

IV- ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã và đang hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đảm bảo tốt nghĩa vụ đối với môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc đã thực hiện, triển khai kịp thời có hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và thường xuyên trao đổi, xin ý kiến Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh trong việc triển khai điều hành sản xuất kinh doanh;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm.

V- QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị



a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	HỌ VÀ TÊN	Tỷ lệ SHCP có quyền biểu quyết	GHI CHÚ
1	Vũ Đức Tuấn	35,37	Chủ tịch, Thành viên độc lập, đại diện vốn Nhà nước tại Công ty (TKV)
2	Lê Văn Tuấn	3,0	Thành viên, Giám đốc
3	Phan Văn Sứng	0,7	Thành viên, phó Giám đốc
4	Nguyễn Minh Tâm	0,72	Thành viên, phó Giám đốc
5	Phạm Văn Chung	0,48	Thành viên, kế toán trưởng

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp và giải quyết tổng thể các việc liên quan đến việc chỉ đạo điều hành SXKD và các công việc liên quan đến giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UPCOM. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Kết quả các cuộc họp: Trong năm 2018, HĐQT đã tiến hành 05 phiên họp, Các cuộc họp đều diễn ra với tinh thần khẩn trương và trách nhiệm. HĐQT đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung theo quy định và ban hành đầy đủ nội dung biên bản, nghị quyết cuộc họp để Ban Giám đốc triển khai thực hiện. Nội dung những vấn đề được ban hành bao gồm:

TT	Số NQ/BB	Ngày	Nội dung
1	Biên bản số 01/2018/BB-HĐQT	11/01/2018	1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý IV và cả năm 2017; phương hướng nhiệm vụ quý I/2018 và giao kế hoạch năm 2018. 2. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2017. Thông qua hệ thống thang, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty.
2	Biên bản số 02/2018/BB-HĐQT	15/3/2018	1. Thông qua kết quả SXKD quý I, Nhiệm vụ quý II năm 2018. 2. Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
3	Biên bản số 03/2018/BB-HĐQT	11/4/2018	Xác định ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền thanh toán cổ tức bằng tiền.
4	Biên bản số 04/2018/BB-HĐQT	02/7/2018	1. Thông qua kết quả SXKD quý II/2018; phương hướng nhiệm vụ quý III/2018. 2. Thông qua chủ trương chăm lo chi hỗ trợ

TT	Số NQ/BB	Ngày	Nội dung
			đối với những lao động thuê nhà ở nhằm khắc phục khó khăn, chăm lo đời sống và tạo sự gắn bó lâu dài của người lao động đối với Công ty.
5	Biên bản số 05/2018/BB-HĐQT	10/10/2018	1. Thông qua kết quả SXKD quý III/2018; phương hướng nhiệm vụ quý IV/2018. 2. Dự thảo các nội dung của quy chế năm 2019 3. Thông qua ý kiến chuẩn bị bổ nhiệm Phó quản đốc phân xưởng A3 đối với Ông Phan Xuân Sớm.

- Thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao:

+ Năm 2018, Công ty triển khai thực hiện kế hoạch SXKD trong bối cảnh tình hình kinh tế trên thế giới và trong nước có sự phục hồi nhưng chậm. Sự biến động giá của một số vật tư đầu vào có xu hướng tăng đã ảnh hưởng không tốt đến nền kinh tế của đất nước nói chung và của ngành than nói riêng.

+ Tình hình SXKD của Công ty còn nhiều khó khăn, thách thức lớn do sự cạnh tranh trên thị trường cả trong và ngoài ngành ngày càng quyết liệt hơn ... song với sự chỉ đạo của HĐQT cùng với sự năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ SXKD năm 2018 do Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCN lao động ổn định, nguồn vốn kinh doanh được bảo toàn và phát triển.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát:

+ Hội đồng Quản trị giám sát hoạt động của cán bộ quản lý Công ty (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng...) thông qua việc giám sát chấp hành các quy định của pháp luật, thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội cổ đông đề ra.

+ Ngoài việc giám sát cán bộ quản lý nói trên, trong quá trình hoạt động của mình, Hội đồng Quản trị Công ty đã thường xuyên nghiên cứu Quy chế quản trị Công ty theo mẫu của các cơ quan quản lý Nhà nước, tham khảo mô hình tổ chức và phương thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm từng bước chuẩn hóa công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra kiểm soát.

526340
CÔNG TY
PHẦN
CÔNG NGHIỆP
ACOMIN
T. QUẢN

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

TT	HỌ VÀ TÊN	Tỷ lệ SHCP có quyền biểu quyết	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Phương Hằng	-	Trưởng ban (Đến 06/4/2018)
2	Nguyễn Thị Thanh Huyền	-	Trưởng ban (Từ 06/4/2018)
3	Nguyễn Trọng Thanh	0,55	Thành viên
4	Trần Hữu Đoàn	0,25	Thành viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Tổ chức 4 cuộc họp và thực hiện nhiệm vụ theo chức năng Điều lệ Công ty quy định. Nội dung kết quả như sau:

(1)- Cuộc họp và làm việc ngày 15/3/2018: Thẩm định BCTC năm 2017 và kiểm soát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, Bộ máy quản lý Công ty.

(2)- Cuộc họp và làm việc ngày 17/5/2018: Kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và BCTC quý 1 năm 2018.

(3)- Cuộc họp và làm việc ngày 07/8/2018: Kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và thẩm định BCTC 6 tháng năm 2018.

(4)- Cuộc họp và làm việc ngày 09/11/2018: Kiểm soát hoạt động quản lý điều hành SXKD và thẩm định BCTC 9 tháng năm 2018.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)
1	Vũ Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT	58.320.000
2	Nguyễn Thị Phương Hằng	Trưởng BKS (Đến 06/4/2018)	12.420.000
3	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng BKS (Từ 06/4/2018)	37.260.000
4	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT - P. Giám đốc	451.168.879
5	Phan Văn Sứng	Thành viên HĐQT - P. Giám đốc	411.578.259
6	Nguyễn Minh Tâm	Thành viên HĐQT - P. Giám đốc	333.131.036
7	Phạm Văn Chung	Thành viên HĐQT - KT trưởng	310.040.159

8	Nguyễn Trọng Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	34.200.000
9	Trần Hữu Đoàn	Thành viên Ban kiểm soát	34.200.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số CP SH đầu kỳ	Tỷ lệ đầu ký	Số CPSH cuối kỳ	Tỷ lệ Cuối kỳ	Lý do tăng, giảm
	Không có giao dịch						

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Trích Báo cáo kiểm toán độc lập số 68/2019/BCKT-BDO ngày 04 tháng 3 năm 2019. "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cơ điện Ưông Bí - Vinacomin tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

Đại diện Công ty TNHH kiểm toán BDO

Phó tổng giám đốc: Bùi Văn Vương (Đã ký và đóng dấu)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Được đăng tải tại website: <http://codienuongbi.vn>

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở giao dịch CK Hà Nội;
- Lưu VP.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

GIAM ĐỐC



Lê Văn Tuấn

